



Số: **012133**/VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 10688.20



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM.
Tên mẫu : KEM DẦU - VINAMILK
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-K-23
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 hộp x 247,5 g
Ngày nhận mẫu : 09/06/2020
Người gửi mẫu : Châu Thúy An
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Enterobacteriaceae	HD.PP.18.01/TT.VS (TCVN 5518-2:2007) (b) (d)	< 10 CFU /g	10/06/2020
2	Salmonella spp.	HD.PP.10.02/TT.VS (AOAC 967.27) (b) (d)	Không phát hiện /25g	10/06/2020

Ghi chú:

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TT-LT-BYT-BCT-BNNPTNT.
- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TT-LT-BYT-BCT-BNNPTNT.
- < 10 CFU /g : được xem như không phát hiện.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **18-06-2020**

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



TS. Nguyễn Đức Thịnh



Số: **002945** /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 01888.20



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM
Tên mẫu : KEM DẦU - VINAMILK
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: A-K-10
Ngày lấy mẫu : 12/02/2020
Lượng mẫu : 01 hộp x 550 g
Ngày nhận mẫu : 12/02/2020
Người gửi mẫu : Nguyễn Thị Ánh Nguyệt
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Arsen (As) tổng	HD.PP.16/TT.AAS:2019 (b) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,02 mg/kg	15/02/2020
2	Cadimi (Cd)	HD.PP.16/TT.AAS:2019 (b) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,02 mg/kg	15/02/2020
3	Thủy ngân (Hg)	HD.PP.16/TT.AAS:2019 (d)	Không phát hiện MLOD = 0,02 mg/kg	15/02/2020
4	Chì (Pb)	HD.PP.16/TT.AAS:2019 (b) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	15/02/2020

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **24-02-2020**

TS. NGUYỄN ĐỨC THỊNH
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



TS. Nguyễn Đức Thịnh



Số: **002946** /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 01889.20

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM
Tên mẫu : KEM DÂU - VINAMILK
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: A-K-10
Ngày lấy mẫu : 12/02/2020
Lượng mẫu : 01 hộp x 550 g
Ngày nhận mẫu : 12/02/2020
Người gửi mẫu : Nguyễn Thị Ánh Nguyệt
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Aflatoxin M1	HD.PP.03-1/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,1 µg/kg	14/02/2020

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **24 -02- 2020**

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



TS. Nguyễn Đức Thịnh



Số: **002947** /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 01890.20



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM
Tên mẫu : KEM DÂU - VINAMILK
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: A-K-10
Ngày lấy mẫu : 12/02/2020
Lượng mẫu : 01 hộp x 550 g
Ngày nhận mẫu : 12/02/2020
Người gửi mẫu : Nguyễn Thị Ánh Nguyệt
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Melamine	TCVN 9048:2012 (ISO/TS 15495:2010) (b) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,05 mg/kg	18/02/2020

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.
- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **24-02-2020**

TU. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN


TS. Nguyễn Đức Thịnh



Số: **009247** /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 07649.20



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM.
Tên mẫu : KEM DẦU - VINAMILK
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-K-23
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 hộp x 550 g
Ngày nhận mẫu : 06/05/2020
Người gửi mẫu : Châu Thúy An
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Lindan	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	07/05/2020
2	Chlordane	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,001 mg/kg	07/05/2020
3	DDT	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	07/05/2020
4	Heptachlor	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	07/05/2020
5	Aldrin và Dieldrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	07/05/2020
6	Methamidophos	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	10/05/2020
7	Endosulfan	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 0,003 mg/kg	07/05/2020

Ghi chú:

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

18-05-2020

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày

TUỶ VIÊN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



TS. Nguyễn Đức Thịnh

Số: **012135** /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 10684.20

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM.
Tên mẫu : KEM DẦU - VINAMILK
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-K-23
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 hộp x 247,5 g
Ngày nhận mẫu : 09/06/2020
Người gửi mẫu : Châu Thúy An
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Acephate	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	15/06/2020
2	Methamidophos	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	15/06/2020

Ghi chú:

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **18-06-2020**

TU. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



TS. Nguyễn Đức Thịnh



Số: **009250** /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 07652.20



VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM.
Tên mẫu : KEM DÂU - VINAMILK
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-K-23
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 hộp x 550 g
Ngày nhận mẫu : 06/05/2020
Người gửi mẫu : Châu Thúy An
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Cyfluthrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	07/05/2020
2	L-Cyhalothrin (Cyhalothrin)	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 10 µg/kg	07/05/2020
3	Deltamethrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 20 µg/kg	07/05/2020
4	Albendazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	07/05/2020
5	Amoxicillin	HD.PP.46/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 1 µg/kg	11/05/2020
6	Clenbuterol	HD.PP.43-1/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,014 µg/kg	09/05/2020
7	Colistin	HD.PP.30/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 15 µg/kg	11/05/2020
8	Cypermethrin và alpha-Cypermethrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 40 µg/kg	07/05/2020
9	Monensin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,5 µg/kg	07/05/2020
10	Tylosin	HD.PP.142/TT.SK:2019 (Ref.I.Agric.Food Chem, 2015, 5133-5140) (a)	Không phát hiện MLOD = 7 µg/kg	13/05/2020

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
11	Dexamethasone	HD.PP.08/TT.SK:2019 (Ref.Application Note 720004511EN Waters & Ref.Journal of Chromatography B, 826 (2005), 214-219 & Ref.Journal of Pharmaceutical and Biomedical Analysis 41 (2006), 554-564) (a)	Không phát hiện MLOD = 0,1 µg/kg	07/05/2020
12	Benzylpenicillin	Ref. J.Agric.Food Chem, Vol 63 (2015)	Không phát hiện MLOD = 1 µg/kg	13/05/2020
13	Clortetracyclin	HD.PP.21/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 995.09 & Ref. Application Note, 2009, 5990-3816 EN, Agilent) (a)	Không phát hiện MLOD = 15 µg/kg	07/05/2020
14	Oxytetracyclin	HD.PP.21/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 995.09 & Ref. Application Note, 2009, 5990-3816 EN, Agilent) (a)	Không phát hiện MLOD = 15 µg/kg	07/05/2020
15	Tetracyclin	HD.PP.21/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 995.09 & Ref. Application Note, 2009, 5990-3816 EN, Agilent) (a)	Không phát hiện MLOD = 15 µg/kg	07/05/2020
16	Dihydrostreptomycin	HD.PP.87/TT.SK:2019 (Ref. CLG-AMG4.02) (a)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	08/05/2020
17	Streptomycin	HD.PP.87/TT.SK:2019 (Ref. CLG-AMG4.02) (a)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	08/05/2020
18	Gentamicin	HD.PP.87/TT.SK:2019 (Ref. CLG-AMG4.02) (a)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	08/05/2020
19	Spiramycin	HD.PP.142/TT.SK:2019 (Ref. J.Agric.Food Chem, 2015, 5133-5140) (a)	Không phát hiện MLOD = 7 µg/kg	13/05/2020
20	Ceftiofur	HD.PP.142/TT.SK:2019 (Ref. J.Agric.Food Chem, 2015, 5133 - 5140) (a)	Không phát hiện MLOD = 7 µg/kg	13/05/2020
21	Lincomycin	Ref. J.Agric.Food Chem, Vol 63 (2015)	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	13/05/2020
22	Neomycin	HD.PP.87/TT.SK:2019 (Ref. CLG-AMG4.02) (a)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	08/05/2020
23	Pirlimycin	HD.PP.142/TT.SK:2019 (Ref.J.Agric.Food Chem, 2015, 5133-5140) (a)	Không phát hiện MLOD = 7 µg/kg	13/05/2020
24	Spectinomycin	HD.PP.87/TT.SK:2019 (Ref. CLG-AMG4.02) (a)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	08/05/2020
25	Sulfadimidin	HD.PP.142/TT.SK:2019 (Ref. J.Agric.Food Chem, 2015, 5133-5140) (a)	Không phát hiện MLOD = 7 µg/kg	13/05/2020
26	Diminazen	Ref. J.AOAC, Vol 86, (2003)	Không phát hiện MLOD = 10 µg/kg	11/05/2020
27	Doramectin	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	11/05/2020
28	Eprinomectin	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	11/05/2020

Mã số mẫu: 07652.20



Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
29	Febantel	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	07/05/2020
30	Fenbendazole	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	07/05/2020
31	Oxfendazole	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	07/05/2020
32	Imidocarb	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	07/05/2020
33	Isometamidium	Ref. J.Chroma.B, 879 (2011)	Không phát hiện MLOD = 10 µg/kg	13/05/2020
34	Ivermectin	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	11/05/2020
35	Thiabendazole	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	07/05/2020
36	Trichlorfon (Metrifonat)	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	07/05/2020
37	Procain benzylpenicilin	Ref. J.Agric.Food Chem, Vol 63 (2015)	Không phát hiện MLOD = 1 µg/kg	13/05/2020

Ghi chú:

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

18-05-2020

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



TS. Nguyễn Đức Thịnh